

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**
Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 5 - 2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

“ V/v tranh chấp: ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm Nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh và ông Phan Văn Quý.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế :

Ông Lê Ngọc Thành, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại hội trường Tòa án Nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018; về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 06/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hà T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Quang T1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 27/02/2018 và trong bản tự khai nguyên đơn là chị Bùi Thị Hà T trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hà T và anh Lê Quang T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, Tuy không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 07/10/2016 tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau tại thôn T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng xảy ra cãi vã nhau vì vậy đến khoảng tháng 1/2017 thì chị T đã bỏ về sống với bố mẹ đẻ của chị ở tại thôn N, xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, kể từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa.

Do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng và vợ chồng sống ly thân đã quá lâu ngày, hiện nay chị T cũng không còn tình cảm với anh T1 nữa nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lê Quang T1, sau khi Tòa án thụ lý và đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án theo quy định tại điều 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đồng thời trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T1 đến Tòa án để giải quyết vụ án, cụ thể vào các ngày 15/03/2018; 30/03/2018 và 06/4/2018 Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bố của anh T1 là ông Lê C, ông C đã cam đoan giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T1 nhưng anh T1 vẫn không đến.

Tại biên bản xác minh ngày 06/4/2018 ông Lê C là bố ruột của anh T1 cũng cho biết chị T và anh T1 được hai gia đình tổ chức lễ hỏi theo phong tục địa phương nhưng không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi đăng ký kết hôn 2 vợ chồng chung sống với nhau được khoảng hơn 1 tháng ở tại nhà của ông bà ở thôn T, xã Đ, huyện P được khoảng 1 thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, vì vậy chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại thôn N, xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế để sống. Chị T và anh T1 đã sống ly thân kể từ tháng 1/2017 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh T1 đã đi làm ăn từ ngày 20/3/2018 cho đến nay nhưng thỉnh thoảng anh T1 vẫn về nhà, khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án ông C cũng đã thông báo cho anh T1, tuy nhiên vì điều kiện đi lại khó khăn nên anh T1 không đến Tòa án được.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền có ý kiến:

Đối với quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hà T đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Anh Lê Quang T1 không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng tại Tòa án. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp chính đáng của đương sự. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Bùi Thị Hà T được ly hôn anh Lê Quang T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- [1]Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Hà T và anh Lê Quang T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy Ban Nhân Dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 07/10/2016. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T1 để lấy lời khai và mở phiên hòa giải, công khai chứng cứ, nhưng anh T1 vẫn cố tình vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hà T và anh Lê Quang T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy Ban Nhân Dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, vì vậy chị T đã bỏ về sống với bố mẹ đẻ của chị ở tại thôn N, xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế là vào khoảng tháng 1/2017, kể từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa, do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu ngày nên chị T cương quyết xin ly hôn. Phía anh T1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T1 vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh T1 không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa hai người. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T1.

[3]Về con chung: Trong quá trình hôn nhân chị T và anh T1 không có con chung. Nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét, tuy nhiên đây mới chỉ là lời khai của một phía vì vậy nếu sau này có phát sinh sẽ giải quyết thành vụ kiện độc lập.

[5]Về án phí: Chị Bùi Thị Hà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Hà T, cho chị Bùi Thị Hà T được ly hôn với anh Lê Quang T1.

Về án phí: Chị Bùi Thị Hà T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 003428 ngày 06/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA;
- Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Đạt